

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-ST

Ngày 12-5-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa pH toà: Ông Nguyễn Xuân Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khánh; bà Nguyễn Thị Bích.

- Thư ký pH tòa: Bà Nguyễn Hương Mai, cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia pH tòa: Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 12/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2020/DS- ST ngày 06/10/2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST - DS ngày 12 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn pH tòa số 11/2021/QĐ- ST ngày 12/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm: 1951 (vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố X L, thị trấn B H, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm: 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố T X, thị trấn B H, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Phạm Thị D, sinh năm: 1953 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị D: Ông Trần Văn T, sinh năm: 1951;

Đều cùng địa chỉ cư trú: Tổ dân phố X L, thị trấn B H, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

+ Ông Nguyễn Nhật Th, sinh năm: 1969 (vắng mặt);

Nơi cư trú cuối cùng tại Việt Nam: Tổ dân phố T X, thị trấn B H, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

Đã xuất cảnh đi nước ngoài ngày 06/02/2013, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước, hiện tại không rõ địa chỉ của ông Nguyễn Nhật Th ở nước ngoài.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 16/6/2020; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/9/2020; các bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Ông Trần Văn T trình bày:

Ngày 30/5/2013, ông cho chị Hoàng Thị H vay số tiền 33.500.000đồng, ngày 20/11/2013, ông cho chị Hoàng Thị H vay tiếp số tiền 30.000.000đồng. hai bên thỏa thuận lãi suất 18,5%/năm, hai bên có viết “Giấy biên nhận vay tiền” ghi ngày 30/5/2013, có chữ ký của chị Hoàng Thị H, ông đã nhiều lần đòi nợ nhưng chị Hoàng Thị H không trả. Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Hoàng Thị H và ông Nguyễn Nhật Th phải liên đới trả nợ gốc cộng lãi suất 18,5%/năm tạm tính đến tháng 9/2020 là 79.457.000 đồng. Ngày 10/5/2021, ông Trần Văn T rút một phần yêu cầu khởi kiện, ông chỉ yêu cầu chị Hoàng Thị H trả nợ, không yêu cầu ông Nguyễn Nhật Th phải liên đới trả nợ cùng chị Hoàng Thị H. Về lãi suất ông yêu cầu chị Hoàng Thị H phải chịu lãi suất 1,125%/tháng tính từ ngày vay của từng khoản vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm (khoản vay lần 1 từ ngày 30/5/2013: Tiền gốc 33.500.000đồng, lãi suất 1,125%/tháng tính đến ngày xét xử sơ thẩm; khoản vay lần 2 từ ngày 20/11/2013: Tiền gốc: 30.000.000đồng, lãi suất 1,125%/tháng tính từ ngày vay 20/11/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm)

Chứng cứ ông Trần Văn T đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bản gốc “Giấy biên nhận vay tiền” ghi ngày 30/5/2013 có chữ ký “H” “Hoàng Thị H” dưới mục người vay.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 8/7/2020 chị Hoàng Thị H trình bày:

Ngày 30/5/2013, chị có vay của ông Trần Văn T số tiền 33.500.000đồng, ngày 20/11/2013 chị vay tiếp ông T 30.000.000đồng, hai bên thỏa thuận lại suất 18,5%/năm nhưng không thỏa thuận thời hạn trả nợ, hai bên có lập giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 30/5/2013. Chị thừa nhận chữ ký “H”, “Hoàng Thị H” trong giấy biên nhận vay

tiền ngày 30/5/2013 đúng là chữ ký, chữ viết của chị. Sau khi vay tiền chị đã nhiều lần trả gốc và lãi cho ông Trần Văn T nhưng không có giấy tờ ghi chép, theo dõi việc trả nợ, chị không nhớ cụ thể số tiền gốc và lãi chị đã trả ông T là bao nhiêu tiền. Việc ông T khởi kiện yêu cầu trả nợ, chị đồng ý trả ông T số nợ gốc 63.500.000đồng, chị không đồng ý trả lãi. Chị không có chứng cứ để chứng minh đã trả gốc, lãi cho ông Trần Văn T.

Tại bản tự khai ngày 03/7/2020 bà Phạm Thị D trình bày:

Bà là vợ ông Trần Văn T, năm 2013 chị H có vay của vợ chồng ông bà số tiền là 63.500.000đồng, lãi suất 18,5%/năm. Vợ chồng bà đã nhiều lần đòi nợ nhưng chị H không trả nợ, bà đồng ý với nội dung khởi kiện của ông Trần Văn T, bà ủy quyền cho ông Trần Văn T đại diện tham gia tố tụng tại Tòa án.

Ông Nguyễn Nhật Th là chồng của chị Hoàng Thị H không có mặt tại địa phương, và không rõ địa chỉ. Tại Công văn số 34904/QLXNC - P5 ngày 01/9/2020 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp thông tin: Ông Nguyễn Nhật Th sinh ngày 16/12/1969 đã xuất cảnh ngày 06/02/2013, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Theo quy định của Chính phủ công dân khi xuất cảnh không phải khai mục đích và nước đến nên Cục Quản lý xuất nhập cảnh không có thông tin về địa chỉ nơi đến của ông Nguyễn Nhật Th.

Tại pH tòa, ông Trần Văn T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Hoàng Thị H đã được triệu tập hai lần hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271; 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471; Điều 474; Điều 476; Điều 477; Điều 290 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 2; Điều 4 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất. Khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Buộc chị Hoàng Thị H phải trả cho ông Trần Văn T, bà Phạm Thị D 63.500.000 đồng tiền gốc và 66.238.875 đồng tiền lãi.

- Án phí:Chị H phải chịu 6.486.900 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại pH toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Trong vụ án này ông Nguyễn Nhật Th là chồng của chị Hoàng Thị H đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng vay tài sản giữa ông Trần Văn T và chị Hoàng Thị H là hợp đồng không xác định thời hạn, chị Hoàng Thị H thừa nhận, ông Trần Văn T đã nhiều lần yêu cầu chị thanh toán số tiền 63.500.000đồng, nhưng chị H không thanh toán. Đến năm 2020 ông Trần Văn T khởi kiện, như vậy thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[1. 3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Chị Hoàng Thị H đã được Tòa án triệu tập hai lần hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt; bà Phạm Thị D vắng mặt nhưng đã có ông Trần Văn T là người đại diện theo ủy quyền có mặt; ông Nguyễn Nhật Th đang ở nước ngoài, không rõ địa chỉ, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành niêm yết các Văn bản tố tụng; Giấy triệu tập; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 3 Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Nhật Th vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị H, bà Phạm Thị D, ông Nguyễn Nhật Th, theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Yêu cầu đòi số tiền gốc: Chứng cứ do ông Trần Văn T đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện chị Hoàng Thị H phải trả nợ 63.500.000đồng là bản gốc “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 30/5/2013. Chị Hoàng Thị H thừa nhận có vay của ông Trần Văn T 63.500.000đồng, thừa nhận chữ ký “H” “Hoàng

Thị H” dưới mục “người vay” của “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 30/5/2013 đúng là chữ ký, chữ viết của chị, chị Hoàng Thị H đồng ý trả nợ ông Trần Văn T 63.500.000đồng tiền gốc. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên cần buộc chị Hoàng Thị H phải trả cho ông Trần Văn T 63.500.000đồng tiền gốc là có căn cứ đúng quy định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[2.2] *Yêu cầu tính lãi suất:* Tại Giấy biên nhận vay tiền ngày 30/5/2013, hai bên thỏa thuận lãi suất 18,5%/năm là quá cao, không phù hợp với quy định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005, vì mức lãi suất này vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với mức lãi suất cơ bản 0,75%/tháng. Ông Trần Văn T chỉ yêu cầu chị Hoàng Thị H chịu mức lãi suất 1,125%/tháng = 150% mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là phù hợp với quy định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005, phù hợp với khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Chị Hoàng Thị H không đồng ý trả lãi suất cho ông Trần Văn T với lý do chị đã nhiều lần trả lãi cho ông Trần Văn T, nhưng chị không đưa ra được chứng cứ để chứng minh đã trả tiền lãi cho ông Trần Văn T, không chứng minh được chị đã trả ông Trần Văn T là bao nhiêu tiền. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận sự phản đối của chị Hoàng Thị H mà cần buộc chị Hoàng Thị H phải chịu lãi suất theo yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T là phù hợp với Điều 290, Điều 476, Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005. Số tiền lãi chị Hoàng Thị H phải trả ông Trần Văn T như sau:

Khoản vay ngày 30/5/2013 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/5/2021) là: 95 tháng 12 ngày được tính như sau:

- Tiền gốc: 33.500.000đồng x 1,125%/tháng = 376.875đồng/tháng x 95 tháng = 35.803.125đồng;

- Lãi suất của 12 ngày: 376.875: 30 ngày = 12.562đồng/01 ngày x 12 ngày = 150.750đồng.

*Cộng: 35.803.125 đồng + 150.750đồng = 35.953.875đồng.

Khoản vay ngày 20/11/2013 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/5/2021) là 89 tháng 22 ngày được tính như sau:

- Tiền gốc: $30.000.000\text{đồng} \times 1,125\%/tháng = 337.500\text{đồng}/tháng \times 89\text{ tháng} = 30.037.500\text{đồng}$;

- Lãi suất của 22 ngày: $337.500\text{đồng} : 30\text{ ngày} = 11.250\text{đồng}/01\text{ ngày} \times 22\text{ ngày} = 247.500\text{đồng}$.

* Cộng: $30.037.500\text{đồng} + 247.500\text{đồng} = 30.285.000\text{đồng}$.

Tổng cộng số tiền lãi của hai khoản vay là: 66.238.875đồng.

Tổng số tiền chị Hoàng Thị H phải trả ông Trần Văn T là: 63.500.000đồng tiền gốc + 66.238.875đồng tiền lãi = 129.738.875 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T được chấp nhận nên chị Hoàng Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Số tiền án phí chị Hoàng Thị H phải chịu được tính như sau: Tổng số tiền chị Hoàng Thị H phải trả ông Trần Văn T = 129.738.875 đồng $\times 5\% = 6.486.900\text{đồng}$.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 244; Điều 271; 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471; Điều 474; Điều 476; Điều 477; Điều 290 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 2; Điều 4 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất. Khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Buộc chị Hoàng Thị H phải trả cho ông Trần Văn T 63.500.000đồng (Sáu mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiền gốc và 66.238.875 đồng (Sáu mươi sáu triệu hai trăm ba mươi tám nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng) tiền lãi. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu

không có thỏa thuận về mức lãi suất thì bên phải thi hành án phải chịu mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T yêu cầu ông Nguyễn Nhật Th phải liên đới trả nợ cùng chị Hoàng Thị H.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị H phải chịu 6.486.900đồng (Sáu triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự ở Việt Nam vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng; đương sự ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PH TÒA**

Nguyễn Xuân Thạo